CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital

Ngày 30/06/2025	11,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**31.5%**	**32.8%**

DT thuần
Q2/25
127
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.8| 75.5%
YoY: ▲ 59.2| 86.9%

LN thuần
Q2/25
19.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.4| 211%
YoY: ▲ 16.8| 569%

LN sau thuế
Q2/25
16.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.1| 229%
YoY: ▲ 13.7| 582%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
15.7%
YoY: +/-▲ 6.7%

ROE (TTM)
Q2/25
20.2%
YoY: +/-▲ 10.3%

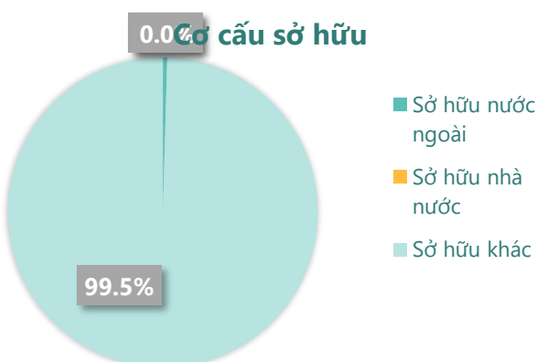
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,719 - 12,510
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
Số lượng CPLH (CP)	8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,450
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.51
EPS	3,025
P/E	3.9

DT thuần
6T 2025
199
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 69.0| 53.0%

LN thuần
6T 2025
26.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.7| 479%

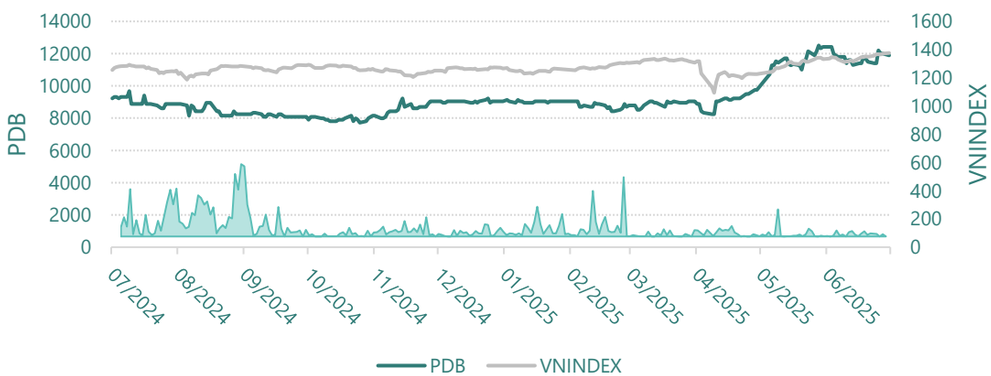
LN sau thuế
6T 2025
20.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.6| 523%

Cơ cấu sở hữu

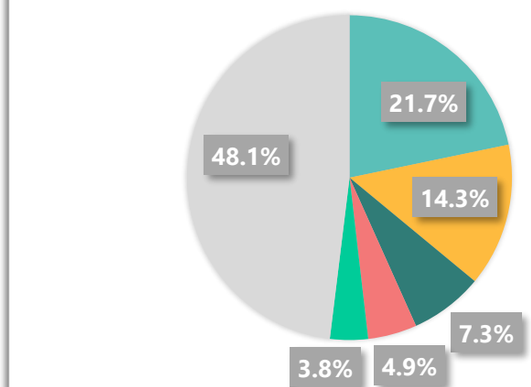


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



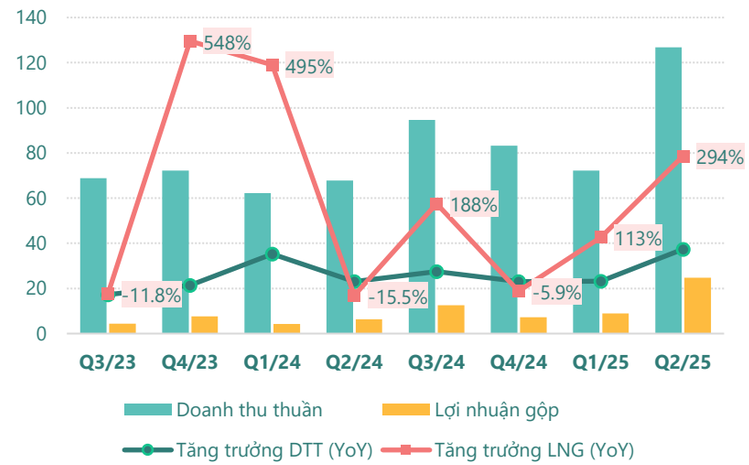
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

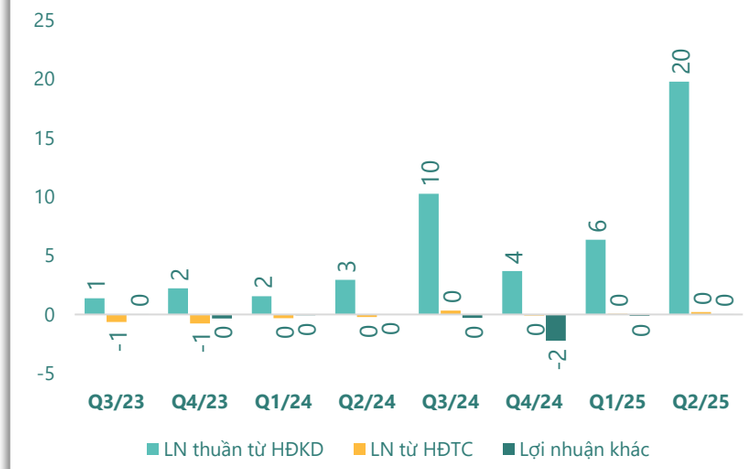
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



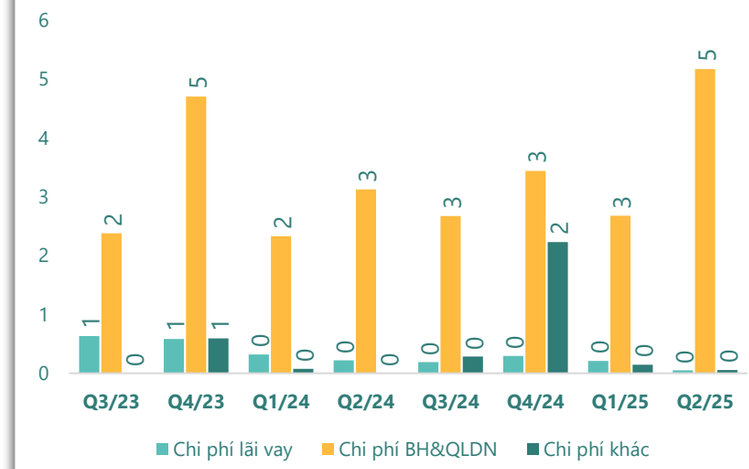
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



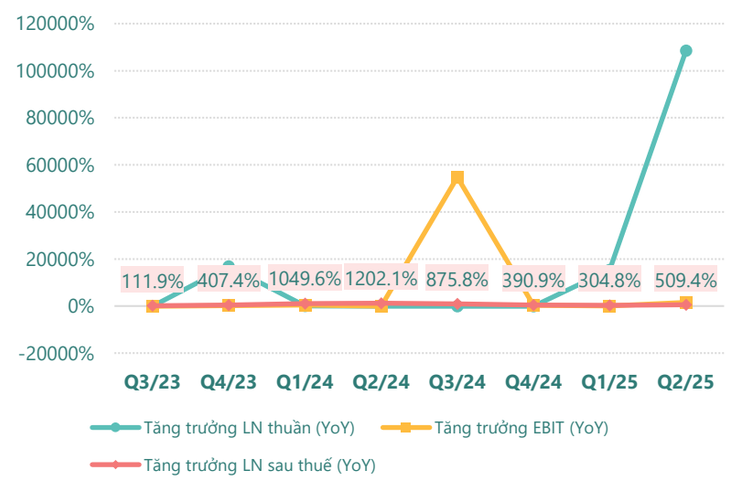
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



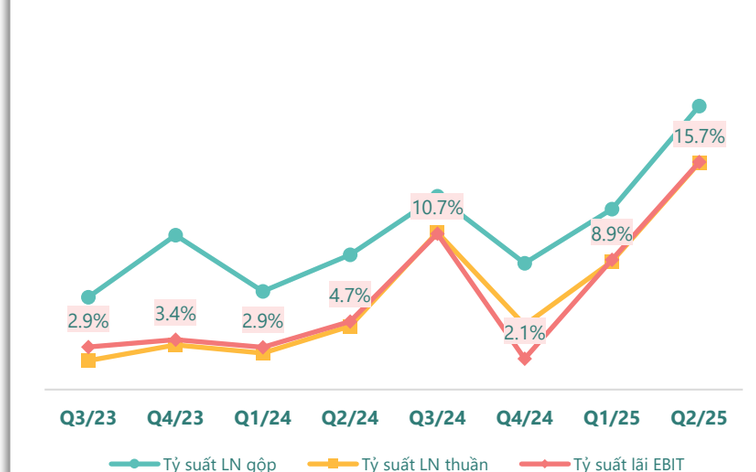
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



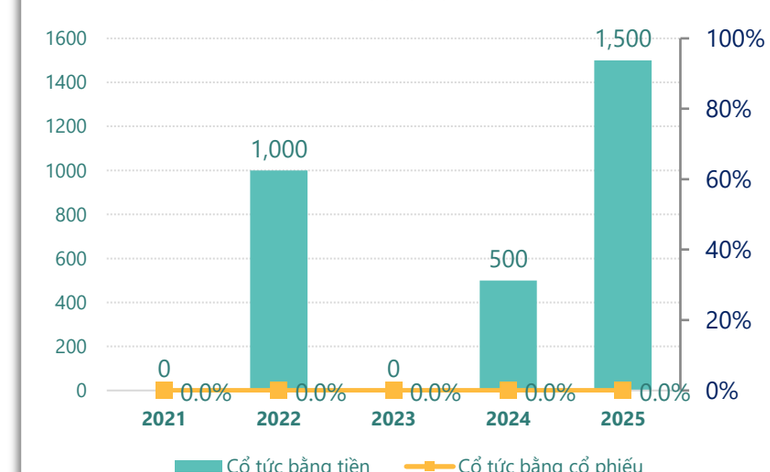
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

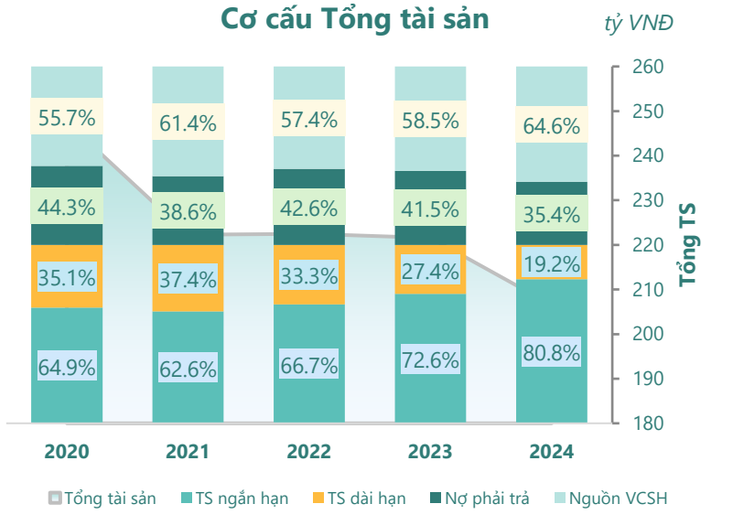
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

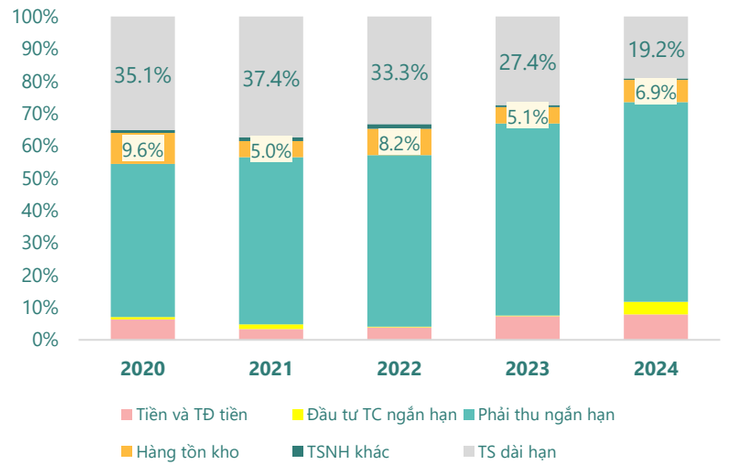
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



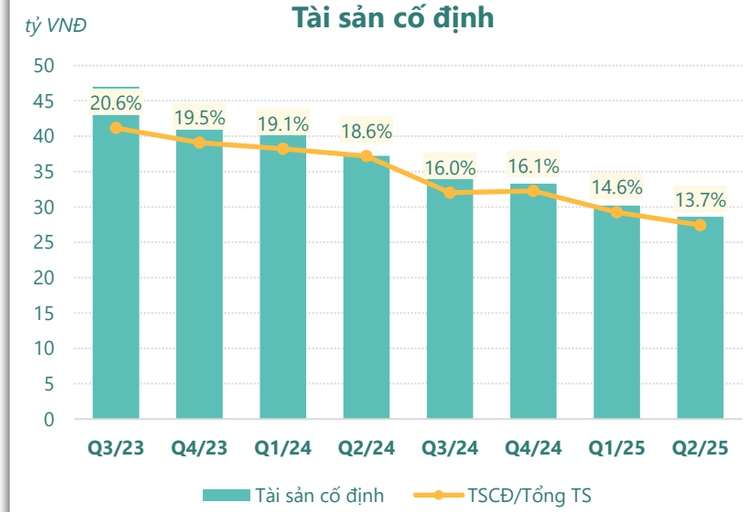
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



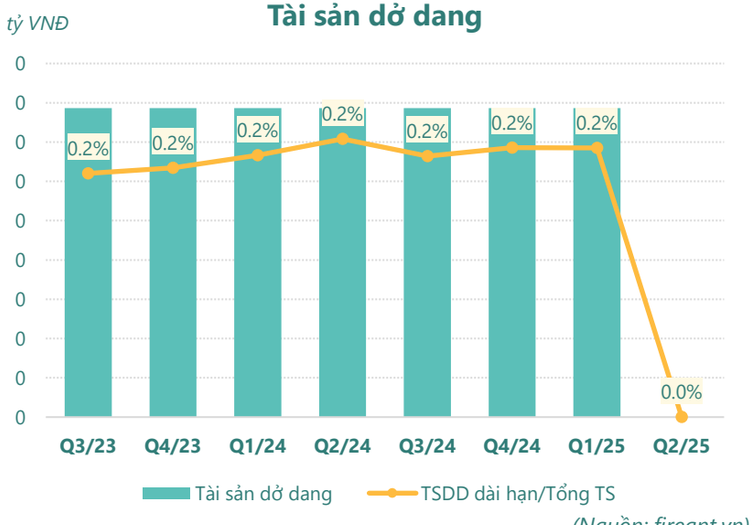
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



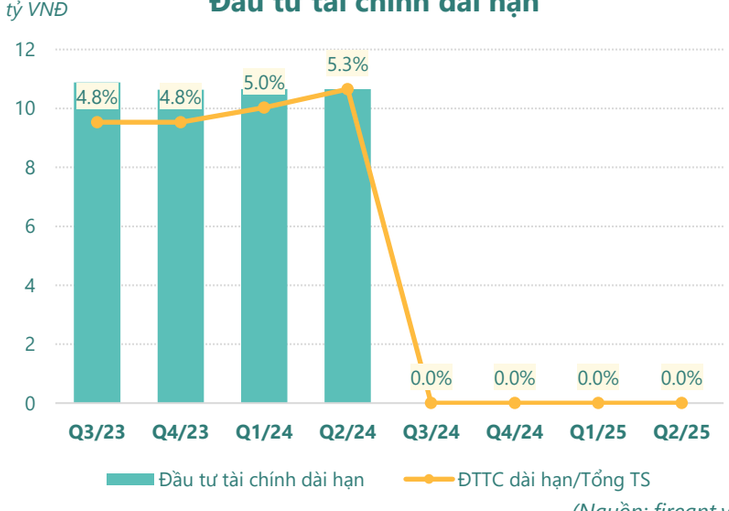
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



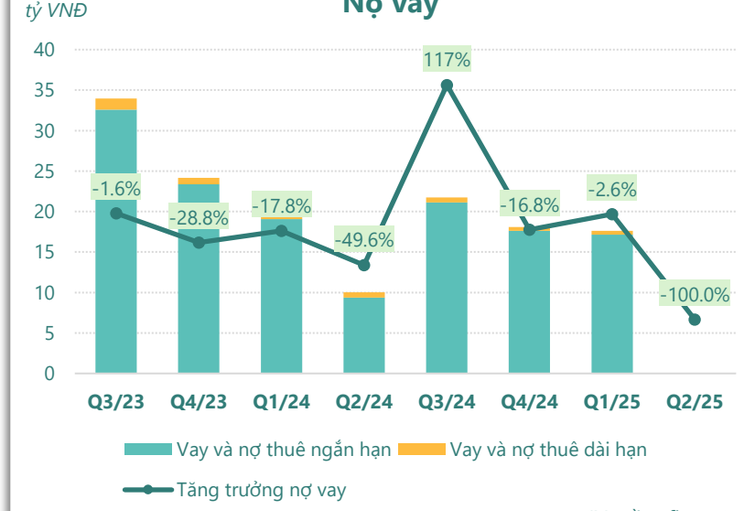
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

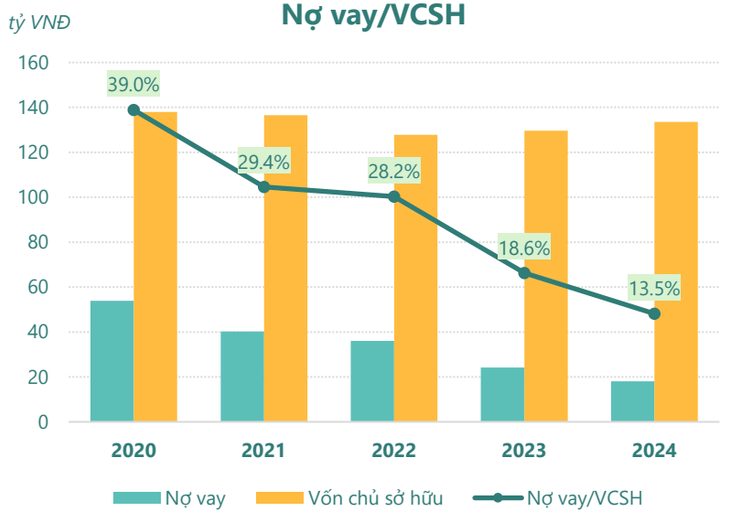
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

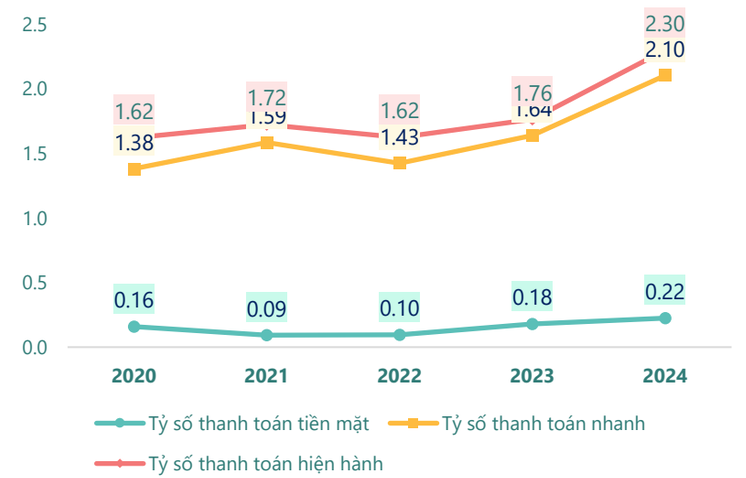
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



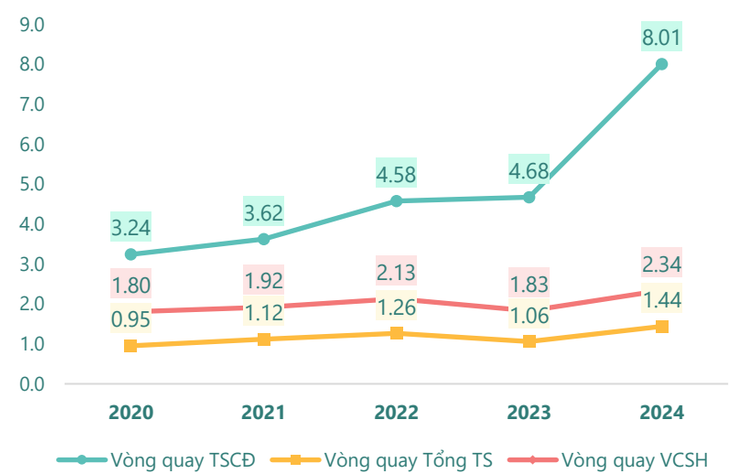
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



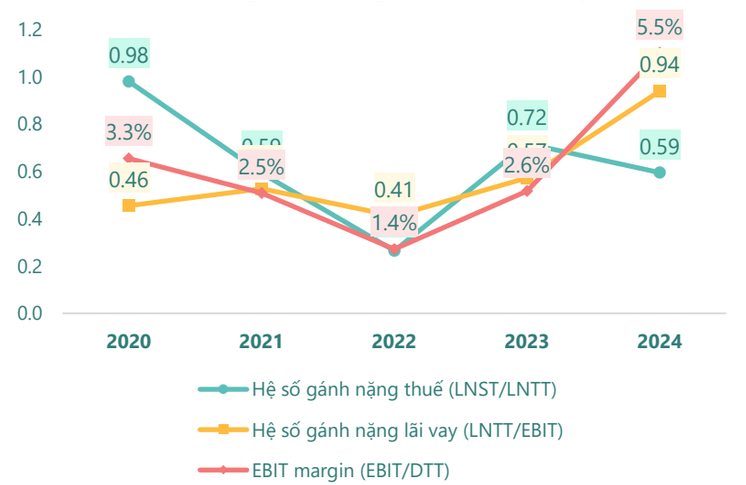
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



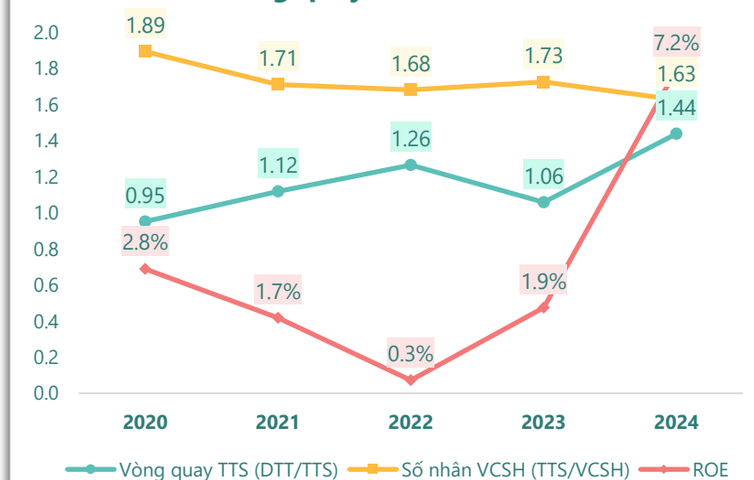
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



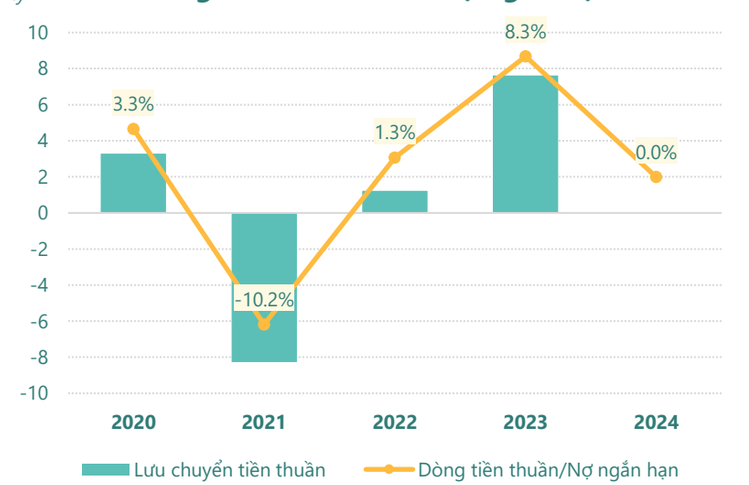
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**127**	**67.8**	**86.9%**	**199**	**130**	**53.0%**
Giá vốn hàng bán	102	61.5	65.8%	165	120	38.2%
Lợi nhuận gộp	24.8	6.29	294%	33.7	10.5	221%
Doanh thu HĐTC	0.26	0.01	2478%	0.53	0.02	2780%
Chi phí TC	0.05	0.22	-79.2%	0.26	0.54	-52.4%
Chi phí lãi vay	0.05	0.22	-77.9%	0.26	0.54	-52.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.66	0.53	23.9%	1.19	0.94	26.8%
Chi phí QLDN	**4.52**	**2.60**	**73.7%**	**6.66**	**4.52**	**47.3%**
LN thuần từ HĐKD	19.8	2.96	569%	26.2	4.52	479%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.00**		**-0.11**	**-0.08**	**-40.2%**
LN trước thuế	19.8	2.95	572%	26.1	4.44	486%
Lợi nhuận sau thuế	**16.0**	**2.35**	**582%**	**20.9**	**3.35**	**523%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.0**	**2.34**	**584%**	**20.9**	**3.35**	**523%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.32	3.36	-14.1	23.7	-3.14	28.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.37	0.01	0.13	-10.2	-0.08	7.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.29	-10.1	7.45	-3.66	-0.46	-31.0
Tiền đầu kỳ	16.3	19.7	13.0	6.46	16.3	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	**3.40**	**-6.70**	**-6.56**	**9.85**	**-3.68**	**4.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.7	13.0	6.46	16.3	12.6	16.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**209**	**207**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	174	167	4.0%
Tiền và tương đương tiền	16.8	16.3	3.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.5	8.01	43.7%
Phải thu ngắn hạn	131	127	3.0%
Hàng tồn kho	13.0	14.2	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.03	0.89	15.7%
Tài sản dài hạn	**35.0**	**39.6**	**-11.8%**
Phải thu dài hạn	0	0.05	-100%
Tài sản cố định	28.6	33.3	-14.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.39	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.37**	**5.92**	**7.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	68.7	73.0	-5.9%
Nợ ngắn hạn	**68.7**	**72.6**	**-5.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	17.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.9	46.1	17.1%
Nợ dài hạn	0	0.47	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.47	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**140**	**134**	**4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**140**	**134**	**4.7%**
Vốn điều lệ	89.1	89.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)